

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u>	304.241.000	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	304.241.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	820.000	I. Chi đầu tư phát triển	12.750.000
Phí và lệ phí	210.000	Chi đầu tư từ tiền đất	12.750.000
Thu từ quỹ đất công ích và đất công	330.000	II. Chi thường xuyên	280.623.000
Thu khác	280.000	1, Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	64.697.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	18.565.000	2, Chi các hoạt động kinh tế	11.440.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.000	3, Sự nghiệp môi trường	7.352.000
Thuế nhà đất	1.007.000	4, Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	129.992.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	1.480.000	5, Sự nghiệp y tế, dân số, gia đình	219.000
Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.069.000	6, Sự nghiệp VH TT	982.000
Thu tiền sử dụng đất theo chỉ tiêu pháp lệnh	12.750.000	7, Sự nghiệp thể dục thể thao	1.176.000
III. Thu bổ sung	284.856.000	8, Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	1.328.000
1- Bổ sung cân đối	284.856.000	9, Chi đảm bảo xã hội	58.277.000
2- Bổ sung có mục tiêu		10, Chi sự nghiệp quốc phòng	2.266.000
IV. Thu chuyển nguồn		11, Chi sự nghiệp an ninh	2.624.000
		12, Chi khác	270.000
		III. Dự phòng	10.868.000



Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị : 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	<u>TỔNG THU</u>	377.324.000	304.241.000
I	<u>1. Các khoản thu 100%</u>	<u>820.000</u>	<u>820.000</u>
	Phí, lệ phí	210.000	210.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	330.000	330.000
	Thu bồi thường đất công điền khi nhà nước thu hồi theo quyết định		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	280.000	280.000
II	<u>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>	<u>91.648.000</u>	<u>18.565.000</u>
1	<u>Các khoản thu phân chia</u>	<u>2.487.000</u>	<u>16.078.000</u>
	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.007.000	1.007.000
	-Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Thuế môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh		
	-Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.480.000	1.480.000
2	<u>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</u>	<u>89.161.000</u>	<u>16.078.000</u>
	-Thu tiền sử dụng đất	85.000.000	12.750.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.574.000	1.259.000
	-Thuế GTGT	2.587.000	2.069.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (Nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	284.856.000	284.856.000
	-Bổ sung cân đối	284.856.000	284.856.000
	-Bổ sung có mục tiêu		



Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+4	2	4
	<u>TỔNG CHI</u>	<u>304.241.000</u>	<u>12.750.000</u>	<u>291.491.000</u>
	<u>Trong đó</u>			
1	Chi giáo dục	130.743.000	751.000	129.992.000
2	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi y tế	219.000		219.000
4	Chi văn hóa, thông tin	982.000		982.000
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.328.000		1.328.000
6	Chi thể dục thể thao	1.176.000		1.176.000
7	Chi bảo vệ môi trường	7.352.000		7.352.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.440.000	5.722.000	11.440.000
9	Chi hoạt động của cơ quan Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	70.419.000	6.277.000	64.697.000
10	Chi cho công tác xã hội	64.554.000		58.277.000
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	2.266.000		2.266.000
12	Chi An ninh và trật tự ATXH			2.624.000
13	Chi khác	270.000		270.000
14	Dự phòng ngân sách			10.868.000



UBND XÃ PHÚ THÁI

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Biểu số 111/CK TC-NSNN

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn Cân đối ngân sách	Nguồn Đóng góp
TỔNG SỐ		67.966	0	0	8.232	12.750	1.161	12.750	
1/ Công Trình chuyển tiếp		25.767	0	0	6.845	4.532	0	4.532	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Tân Thành, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà bà Cai đến ngã ba nhà ông Chiến)									
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà ông Hàng đến nút giao đường ven sông An Thành)		2024-2025	648		617	31		31	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Hoàng đến nút giao thông tỉnh 388)		2024-2025	2.346		1.946	399		399	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quang Khai, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Nhuận đến ngã ba nhà ông Trường)		2024-2025	1.005		921	84		84	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Thẻ đến ngã ba nhà ông Khâm thôn Văn Minh), (Đoạn từ ngã ba nhà ông Soát đến ngã tư nhà ông Trạch thôn Phan Chi)		2024-2025	1.213		1.155	58		58	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà bà Thường đến nút giao đường tỉnh 388)		2024-2025	1.195		1.137	58		58	
Nhà hiệu bộ kết hợp nhà lớp học 3 tầng trường THCS Phú Thái		2024-2025	14.265			1.810		1.810	
Nhà Đa năng trường THCS Phú Thái		2024-2025	3.934			2.000		2.000	
2/ Công Trình khởi công mới			7.776	0	0	7.057	0	7.057	

Sửa chữa, xây lại tường rào trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2025	355				321	321
Cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2025	1.181				1.139	1.139
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà Ông An đến nhà ông Dương thôn Tân Thành	2025	132				115	115
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Liên đến nhà ông Rằng thôn Quyết Thắng	2025	243				217	217
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hoan đến nhà bà Hòa thôn Quyết Thắng	2025	119				106	106
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Văn Minh đến nhà Bà Lâm	2025	479				440	440
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ đường thôn đến nhà bà Bột thôn Phan Chi	2025	175				157	157
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hiếu đến nhà ông Định thôn Phan Chi	2025	135				120	120
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ chùa Đồng Mỹ đến đường Liên xã	2025	253				239	239
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ công chùa đến nhà ông Hà và từ TBA đến đường Liên xã	2025	885				720	720
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà Bà Dân đến nhà ông Át	2025	1.183				1.077	1.077
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà bà Phúc)	2025	465				429	429

Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Phước đến nhà ông Giới và từ đường liên xã đến đầu cầu Đồng Mỹ)	2025	695				635	635	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Quang Khải đến nhà ông Lâm và từ nhà ông Chanh đến đường xóm thôn Quang Khải	2025	267				243	243	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Hòa đến nhà ông Út thôn Quyết Thắng	2025	207				187	187	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Tráng đến nhà ông Du thôn Quyết Thắng	2025	215				195	195	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Thìn đến nhà ông Kiểm thôn Phan Chi	2025	179				161	161	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Duyên đến nhà ông Doanh thôn Lễ Độ	2025	126				112	112	
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ SVD đến nhà ông Trù, ông Nền thôn Tân Thành; Đoạn từ nhà ông Toan đến nhà ông Hoài, Đoạn từ nhà ông Trường đến nhà bà Mai thôn Đồng Mỹ	2025	482				444	444	
3/Trả nợ XDCB		34.423	0	0	1.387	1.161	1.161	0
Nhà đa năng trường THCS Kim Anh	2024	5.701				288	288	
Cải tạo và nâng cấp đường từ công Ba đến công ông Chấn thôn Quang Khải, xã Kim Anh	2020	618				28	28	
Đường giao thông nông thôn đoạn đường từ công ông Phước đến ngã tư nhà ông Thi thôn Đồng Mỹ xã Kim Anh	2020	207				54	54	
Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Đồng Mỹ đoạn từ đường nhựa liên xã đến công ông Phước, xã Kim Anh	2020	185				47	47	

Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh đoạn nội đồng từ nhà ông Đường đến nương cấp 2 thôn Đồng Mỹ	2020	580					54	54	54
Đường giao thông nông thôn đoạn từ đường TL388 đến chùa thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	537					44	44	44
Đường giao thông nông thôn Thôn Tân Thành kẹp giữa 2 đường nhựa	2020	129					6	6	6
Đường giao thông nông thôn từ cây đa đôi đến ngã tư ông Nhuận thôn Quang Khái, xã Kim Anh	2020	720					53	53	53
Đường giao thông nông thôn. Đoạn từ đường huyện đến nhà ông Thìn thôn Phan Chi, xã Kim Anh	2020	453					42	42	42
Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ TL388 vào thôn Lễ Độ	2020	1.212					167	167	167
Các hạng mục phụ trợ-Trường Mầm non Kim Anh, điểm trường thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành; Hạng mục: Công tường rào, sân vườn, rãnh thoát nước	2021	996					95	95	95
Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học Kim Anh, xã Kim Anh	2020	7.554					118	118	118
CT: Trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành. Hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2020	2.095					18	18	18
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	6.098					15	15	15
Bãi tập kết rác sinh hoạt thôn Tân Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2021	237					36	36	36
Trụ sở Công an	2023	5.472					21	21	21
Cải tạo trạm y tế xã Phúc Thành, huyện Kim Thành	2023	893				750	65	65	65
Đường giao thông nông thôn xã Phúc Thành, huyện Kim Thành. Đoạn nối từ khu dân cư mới ra công nhà văn hóa thôn Đường Thái Trung	2023	736				637	11	11	11



UBND XÃ PHÚ THÁI

Biểu số 103/CKTC-NSNN

BIỂU CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	304.241.000	TỔNG SỐ CHI	304.241.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	820.000	I. Chi đầu tư phát triển	12.750.000
Phí và lệ phí	210.000	Chi đầu tư từ tiền đất	12.750.000
Thu từ quỹ đất công ích và đất công	330.000	II. Chi thường xuyên	280.623.000
Thu khác	280.000	1, Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	64.697.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	18.565.000	2, Chi các hoạt động kinh tế	11.440.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.000	3, Sự nghiệp môi trường	7.352.000
Thuế nhà đất	1.007.000	4, Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	129.992.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	1.480.000	5, Sự nghiệp y tế, dân số, gia đình	219.000
Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.069.000	6, Sự nghiệp VHTT	982.000
Thu tiền sử dụng đất theo chỉ tiêu pháp lệnh	12.750.000	7, Sự nghiệp thể dục thể thao	1.176.000
III. Thu bổ sung	284.856.000	8, Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.328.000
1- Bổ sung cân đối	284.856.000	9, Chi đảm bảo xã hội	58.277.000
2- Bổ sung có mục tiêu		10, Chi sự nghiệp quốc phòng	2.266.000
IV. Thu chuyển nguồn		11, Chi sự nghiệp an ninh	2.624.000
		12, Chi khác	270.000
		III. Dự phòng	10.868.000



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		76.192.770	377.324.000	304.241.000		399
I	I. Các khoản thu 100%		2.676.614	820.000	820.000		31
	Phí, lệ phí		101.758	210.000	210.000		206
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		456.208	330.000	330.000		72
	Thu bồi thường đất công điền khi nhà nước thu hồi theo quyết định		1.808.814				
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		110.548				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		199.287	280.000	280.000		141
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		23.973.863	91.648.000	18.565.000		77
I	Các khoản thu phân chia		2.638.094	2.487.000	2.487.000		94
	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		1.083.592	1.007.000	1.007.000		93
	-Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Thuế môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh		129.300				
	-Lệ phí trước bạ nhà, đất		1.425.202	1.480.000	1.480.000		104
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		21.335.769	89.161.000	16.078.000		75
	-Thu tiền sử dụng đất		18.496.125	85.000.000	12.750.000		
	- Thuế thu nhập cá nhân		1.107.174	1.574.000	1.259.000		114
	-Thuế GTGT		1.732.470	2.587.000	2.069.000		119
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (Nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		6.904.137				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		30.187				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		42.607.970	284.856.000	284.856.000		669
	-Bổ sung cân đối		25.865.275	284.856.000	284.856.000		1.101
	-Bổ sung có mục tiêu		16.742.695				



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024			DỰ TOÁN NĂM 2025			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1		3	4		6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	36.020.479	4.950.000	31.070.479	304.241.000	12.750.000	291.491.000	845	258	938
	Trong đó	0								
1	Chi giáo dục	2.562.643	2.510.000	52.643	130.743.000	751.000	129.992.000	5.102	30	246.931
2	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ	0								
3	Chi y tế	52.643		52.643			219.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	269.202	100.000	169.202	982.000		982.000	365		580
5	Chi thể dục thể thao	101.886		101.886			1.176.000			
6	Chi phát thanh, truyền thanh	255.205		255.205	1.328.000		1.328.000	520		520
7	Chi bảo vệ môi trường	77.134		77.134	7.352.000		7.352.000	9.531		
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.206.832	1.000.000	206.832	17.162.000	5.722.000	11.440.000	1.422	572	5.531
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	25.603.587	1.340.000	24.263.587	70.974.000	6.277.000	64.697.000	277	468	267
10	Chi cho công tác xã hội	2.204.786		2.204.786	58.277.000		58.277.000	2.643		2.643
11	Chi Quốc phòng	2.191.429		2.191.429	2.266.000		2.266.000	103		103
12	Chi An ninh và trật tự ATXH	1.122.876		1.122.876	2.624.000		2.624.000	234		234
13	Chi khác	372.256		372.256	270.000		270.000	73		73
14	Dự phòng ngân sách				10.868.000		10.868.000			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Tổng số	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn Cân đối ngân sách	Nguồn Đóng góp
TỔNG SỐ		67.966	0	0	8.232	12.750	1.161	12.750	
1/ Công Trình chuyển tiếp		25.767	0	0	6.845	4.532	0	4.532	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Tân Thành, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà bà Cài đến ngã ba nhà ông Chiến)		648			617	31		31	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ ngã ba nhà ông Hàng đến nút giao đường ven sông An Thành)		2.346			1.946	399		399	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Hoàng đến nút giao thông tỉnh 388)		1.005			921	84		84	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quang Khải, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Nhuận đến ngã ba nhà ông Trường)		1.161			1.069	92		92	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn xã Kim Anh (Đoạn từ nhà ông Thế đến ngã ba nhà ông Khâm thôn Văn Minh), (Đoạn từ ngã ba nhà ông Soát đến ngã tư nhà ông Trạch thôn Phan Chi)		1.213			1.155	58		58	
Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh (Đoạn từ nhà bà Thường đến nút giao đường tỉnh 388)		1.195			1.137	58		58	
Nhà hiệu bộ kết hợp nhà lớp học 3 tầng trường THCS Phú Thái		14.265				1.810		1.810	
Nhà Đa năng trường THCS Phú Thái		3.934				2.000		2.000	
2/ Công Trình khởi công mới		7.776	0	0	0	7.057	0	7.057	
Sửa chữa, xây lại tường rào trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương		355				321		321	
Cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương		1.181				1.139		1.139	

Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà Ông An đến nhà ông Dương thôn Tân Thành	2025	132					115		115
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Liên đến nhà ông Rằng thôn Quyết Thắng	2025	243					217		217
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ ông Hoan đến nhà bà Hòa thôn Quyết Thắng	2025	119					106		106
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Văn Minh đến nhà Bà Lâm	2025	479					440		440
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ đường thôn đến nhà bà Bội thôn Phan Chi	2025	175					157		157
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ Hiếu đến nhà ông Định thôn Phan Chi	2025	135					120		120
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ chùa Đồng Mỹ đến đường Liên xã	2025	253					239		239
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ công chùa đến nhà ông Hà và từ TBA đến đường Liên xã	2025	885					720		720
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà Bà Dân đến nhà ông Át	2025	1.183					1.077		1.077
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà bà Phúc)	2025	465					429		429
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh, huyện Kim Thành. Đoạn từ nhà ông Phước đến nhà ông Giới và từ đường liên xã đến đầu cầu Đồng Mỹ)	2025	695					635		635
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà văn hóa thôn Quang Khai đến nhà ông Lâm và từ nhà ông Chanh đến đường xóm thôn Quang Khai	2025	267					243		243
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Hòa đến nhà ông Út thôn Quyết Thắng	2025	207					187		187
Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Tráng đến nhà ông Du thôn Quyết Thắng	2025	215					195		195
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà ông Thìn đến nhà ông Kiểm thôn Phan Chi	2025	179					161		161
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoạn từ nhà bà Duyên đến nhà ông Doanh thôn Lễ Độ	2025	126					112		112

Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoàn từ SVĐ đến nhà ông Trù, ông Nền thôn Tân Thành; Đoàn từ nhà ông Toan đến nhà ông Hoài, Đoàn từ nhà ông Trường đến nhà bà Mai thôn Đồng Mỹ	2025	482	0	0	1.387	1.161	444	1.161	444	0
3/Trả nợ XDCB		34.423	0	0		1.161	1.161	1.161	1.161	0
Nhà đa năng trường THCS Kim Anh	2024	5.701				288	288	288	288	
Cải tạo và nâng cấp đường từ công Ba đến công ông Chấn thôn Quang Khải, xã Kim Anh	2020	618				28	28	28	28	
Đường giao thông nông thôn đoạn đường từ công ông Phước đến ngã tư nhà ông Thi thôn Đồng Mỹ xã Kim Anh	2020	207				54	54	54	54	
Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Đồng Mỹ đoạn từ đường nhựa liên xã đến công ông Phước, xã Kim Anh	2020	185				47	47	47	47	
Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh đoạn nội đồng từ nhà ông Đường đến nương cấp 2 thôn Đồng Mỹ	2020	580				54	54	54	54	
Đường giao thông nông thôn đoạn từ đường TL388 đến chùa thôn Quyết Thắng, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	537				44	44	44	44	
Đường giao thông nông thôn Thôn Tân Thành kẹp giữa 2 đường nhựa	2020	129				6	6	6	6	
Đường giao thông nông thôn từ cây đa đối diện ngã tư ông Nhuận thôn Quang Khải, xã Kim Anh	2020	720				53	53	53	53	
Đường giao thông nông thôn. Đoàn từ đường huyện đến nhà ông Thìn thôn Phan Chi, xã Kim Anh	2020	453				42	42	42	42	
Đường giao thông nông thôn xã Kim Anh. Đoàn từ TL388 vào thôn Lễ Độ	2020	1.212				167	167	167	167	
Các hạng mục phụ trợ-Trường Mầm non Kim Anh, điểm trường thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành; Hạng mục: Cổng tường rào, sân vườn, rãnh thoát nước	2021	996				95	95	95	95	
Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Tiểu học Kim Anh, xã Kim Anh	2020	7.554				118	118	118	118	
CT: Trường Tiểu học Kim Anh, huyện Kim Thành. Hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	2020	2.095				18	18	18	18	
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2020	6.098				15	15	15	15	
Bãi tập kết rác sinh hoạt thôn Tân Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành	2021	237				36	36	36	36	
Trụ sở Công an	2023	5.472				21	21	21	21	

Cải tạo trạm y tế xã Phúc Thành, huyện Kim Thành	2023	893			750	65	65
Đường giao thông nông thôn xã Phúc Thành, huyện Kim Thành.							
Đoạn nối từ khu dân cư mới ra cổng nhà văn hóa thôn Dường Thái Trung	2023	736			637	11	11